

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-02-2023.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng

2. Bà Ngô Thị Lệ Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tô Thị Mỹ N, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện P, tỉnh AG. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Văn G, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã 1, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/09/2022 trong quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn chị Tô Thị Mỹ N, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh G cưới nhau vào ngày 19/9/2017 âm lịch, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh AG. Hôn nhân do quen biết trước được 06 năm. Sau khi cưới chị và anh G cùng sinh sống bên gia đình chị, cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc đến ngày 26/02/2019 thì vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh G không quan tâm chăm lo cho gia đình, không có trách nhiệm với con, không có chỗ ở, công việc ổn định và không tôn trọng gia đình người thân của chị như mỗi lần anh G về gặp cha mẹ chị không chào hỏi, em út chào hỏi anh G không trả lời nhiều lần chị nhắc nhở thái độ của anh G đối với người thân của chị nhưng anh G không chịu sửa đổi. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh G không còn sống chung từ cuối năm 2018 cho đến nay nhưng khoảng 06 tháng hoặc 08 tháng thì anh G có về nhà thăm chị và con chung được 01 - 02 lần, thời gian gần nhất là cách nay khoảng 01 tháng thì anh G có về quê làm căn cước công dân thì có về nhà thăm chị và con chung. Mỗi lần vợ chồng gặp nhau thì không có hàn gắn tình cảm, cha mẹ ruột chị có tạo điều kiện, khuyên bảo vợ chồng chị hàn gắn tình cảm, còn cha mẹ ruột anh G thì nói “con lớn muốn làm gì thì làm”, chị có gọi điện thông báo cho anh G là chị làm đơn xin ly hôn nhưng anh G trả lời với chị là tự làm đi, anh G không về, nghĩa là không đến Tòa án. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn G.

2. Về nuôi con chung: Chị và anh G chung sống có 01 con chung, là con trai tên Võ Minh T, sinh ngày 17/10/2018 hiện con chung đang sống cùng chị từ khi sinh ra cho đến nay. Hiện chị làm công nhân của công ty SamHo An Giang, chuyên sản xuất giày xuất khẩu, lương mỗi tháng 6.000.000đ, đủ để hai mẹ con chị sinh sống. Anh G làm nghề ép bạc vuông tôm không rõ thu nhập mỗi tháng được bao nhiêu tiền, mỗi lần anh G về nhà (khoảng 06 tháng) thì có cho con chung được 5.000.000đ, khi chị làm đơn xin ly hôn thì anh G có về nhà và gửi cho chị được 5.000.000đ. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Minh T và tự nguyện không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Chị và anh G chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị và anh G chung sống không có thiếu nợ ai, cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn anh Võ Văn G đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh G vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Tô Thị Mỹ N cho chị Tô Thị Mỹ N được ly hôn với anh Võ Văn G. Về nuôi con chung: Giao con chung Võ Minh T, sinh ngày 17/10/2018 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh G không cấp dưỡng nuôi con do chị N tự nguyện không yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Tô Thị Mỹ N có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Võ Văn G. Hiện anh G có hộ khẩu thường trú tại ấp 2, xã 1, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Võ Văn G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh G vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Tô Thị Mỹ N và anh Võ Văn G được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 88/2018 ngày 26/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh AG là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét, yêu cầu ly hôn của chị Tô Thị Mỹ N là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống chị N, anh G đã có mâu thuẫn với nhau là có thật. Nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho chị N, anh G đoàn tụ nhưng chị N vẫn cương quyết ly hôn, vì vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc và đã không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2018 cho đến nay. Anh G đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh G cũng không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn

tình cảm với chị N, điều này cho thấy anh G không có thiện chí để hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị N. Nhận thấy hôn nhân giữa chị N, anh G không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Tô Thị Mỹ N được ly hôn với anh Võ Văn G là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Nhận thấy con chung Võ Minh T, sinh ngày 17/10/2018 hiện đang sinh sống cùng chị N ổn định và được đảm bảo về mọi mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung Minh T cho chị N được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N tự nguyện không yêu cầu phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh G lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh G theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung và nợ chung chị N, trình bày: Chị và anh G chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Tô Thị Mỹ N chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004075 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2

Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Tô Thị Mỹ N. Cho chị Tô Thị Mỹ N được ly hôn với anh Võ Văn G.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Chấp nhận yêu cầu của chị Tô Thị Mỹ N. Giao con chung Võ Minh T, sinh ngày 17/10/2018 cho chị N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Anh Võ Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh G lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh G.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tô Thị Mỹ N chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004075 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/02/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung